

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 20-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Thạch Khêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thanh Ng, sinh năm 1987 tại huyện Tiểu C, tỉnh T. Nơi cư trú ấp An C, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Th, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ đầu cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp Ch, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp An C, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1969; Địa chỉ: kh, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt, không có lý do)

2. Anh Đinh Thế T, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp Ch, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị cáo Trần Thanh Ng có quen biết với anh Đinh Thế Tr nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 14/12/2020 sau khi đi dự tiệc về, bị cáo điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 84B1-700.97, màu nâu, ghé vào nhà chị Đặng Thị L để rủ anh Tr đi nhậu. Khi đến nhà chị L, bị cáo gặp anh Tr và chị L đang ở nhà, sau đó chị L đi chợ, bị cáo lấy xe mô tô chở anh Trung đến quán cơm của chị L, gần Công ty ấp Sáu thuộc ấp S, xã Tân H để anh Tr dọn quán bán cơm, do bị say nên bị cáo nằm dưới đất trong quán, lúc đó có mặt ông Huỳnh Ngọc Ch, một lúc sau chị L đi chợ về thấy bị cáo nằm dưới đất nên chị L kêu bị cáo về nhà nghỉ và anh Tr đưa chìa khóa cửa nhà bỏ hoang, gần sát bên nhà chị L ở ấp Ch, xã Tân H để cho bị cáo mở cửa vào nhà nằm nghỉ. Sau đó, bị cáo điều khiển xe về nhà bỏ hoang nhưng bị cáo không mở cửa được nên bị cáo nằm văng phía trước.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc nằm văng bị cáo nhìn thấy cửa nhà trước của chị L có đóng lại và có mốc ổ khóa nhưng không có bấm lại nên bị cáo định vào nhà tìm bánh mì ăn, do nhà chị L có kinh doanh bánh mì. Khi vào nhà, bị cáo đi ra nhà sau vệ sinh, khi đi ngang phòng ngủ của chị L, bị cáo phát hiện cửa phòng không khóa, bị cáo nhìn vào bên trong thấy có để 01 (một) két sắt ở góc phòng, có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo mở két sắt phát hiện có một cọc tiền bên trong, loại tiền polime, có mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng, bị cáo lấy cọc tiền bỏ vào túi quần đang mặc để cất giấu rồi tiếp tục ra ngoài nằm văng. Một lúc sau, bị cáo chạy xe điều khiển đến quán cơm để tìm anh Tr nhưng không gặp, bị cáo tiếp tục quay lại thì gặp anh Tr đang ở nhà nên bị cáo rủ anh Tr đi nhậu nhưng anh Tr không đi. Lúc đó, bị cáo một mình đến quán Nam Bộ thuộc thị trấn Tiểu C để nhậu. Khi đó, bị cáo đi vào nhà vệ sinh lấy cọc tiền ra đếm được số tiền 67.000.000 đồng, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo nghỉ nhậu và đón xe lên thành phố Hồ Chí Minh chơi.

Riêng chị Đặng Thị L đến chiều ngày 14/12/2020 phát hiện bị mất trộm số tiền 67.000.000 đồng nên đã trình báo Công an xã Tân H để xác minh làm rõ.

Chiều ngày 16/12/2020, bị cáo về nhà, đến ngày 18/12/2020 bị cáo bị Công an xã Tân H mời làm việc nhưng bị cáo không thừa nhận lấy trộm tiền của chị L. Đến khoảng 04 giờ ngày 21/12/2020 bị cáo sợ bị phát hiện nên đã kể lại cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N biết sự việc đã lấy trộm tiền của chị L và bị cáo trực tiếp đến gặp chị L trả số tiền còn lại là 27.600.000 đồng nhưng chị L không nhận, lúc đó anh Tr nhận thay và giao nộp cho Công an xã Tân H. Đồng thời, Công an xã Tân H mời bị cáo làm việc và đã thừa nhận hành vi lấy trộm số tiền 67.000.000 đồng của chị L.

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm có:

- Bị cáo giao nộp 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Quicknewwave, biển kiểm soát 84B1-700.97, màu nâu, có số máy 0FMG012021179 và số khung XCHL01202179.
- Đình Thế Tr giao nộp số tiền 27.600.000 đồng.
- Trong quá trình điều tra, mẹ ruột của bị cáo là bà Nguyễn Thị N đưa cho bị cáo bồi thường số tiền 39.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Thanh Ng về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 38, 50 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Trần Thanh Ng phạm tội “ Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo tù 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả cho chị Đặng Thị L số tiền 67.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô, biển kiểm soát 84B1-700.97 do Mai Đăng Th, sinh năm 1977, ngụ kh, thị trấn Càng L, đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, anh Th đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho người khác, đến năm 2019 bị cáo mua lại xe trên của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, ngụ kh, p, thành phố T, tỉnh T nhưng chưa sang tên xét thấy chiếc xe này không phải vật chứng của vụ án nên đề nghị hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền bị mất bị hại không tiếp tục yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N xác nhận số tiền 39.400.000 đồng là tiền của bà cho bị cáo để bồi thường thiệt hại cho chị Đặng Thị L, nay bà không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bà, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Huỳnh Ngọc Ch và anh Đinh Thế Tr vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Ng đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, bị cáo đã lén lút nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 67.000.000 đồng, với giá trị thiệt hại trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo Trần Thanh Ng về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[4]. Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng vì động cơ tư lợi mà thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời góp phần vào việc phòng chống tội phạm nói chung như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử có xem xét , bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tài sản mất trộm đã trả lại cho người bị hại, bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn Ch là liệt sĩ có thành tích trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước được chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả cho bị hại số tiền 67.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô, biển kiểm soát 84B1-700.97 do Mai Đăng Th, sinh năm 1977, ngụ k, thị trấn Càng L, đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, anh Th đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho người khác, đến năm 2019 bị cáo mua lại xe trên của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, ngụ k, ph, thành phố T, tỉnh T nhưng chưa sang tên xét thấy trước đó bị cáo không có mục đích trộm tiền của bị hại, nhưng khi đi ngang qua phòng ngủ thì mới phát hiện tài sản của bị hại vì vậy bị cáo mới phát sinh ý nghĩ lấy tiền của bị hại, vì vậy giao trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Quicknewwave, biển kiểm soát 84B1-700.97, màu nâu, có số máy 0FMG012021179 và số khung XCHL01202179 là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thanh Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh Ng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh Ng 02 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án hoặc bị cáo tự nguyện đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định trả cho bị hại số tiền 67.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao trả cho bị cáo 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Quicknewwave, biển kiểm soát 84B1-700.97, màu nâu, có số máy 0FMG012021179 và số khung XCHL01202179.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thanh Ng phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 , 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

